

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST
Ngày 20-3-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Thanh Phong, ông Nguyễn Phúc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2022/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2023 và thông báo mở lại phiên tòa số 23/2023/TB-TA ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ của pháp lý Ngân hàng thương mại cổ phần V (Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của ông Ngô Chí D)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh Hà Xuân S - là Trưởng bộ phận xử lý nợ; anh Nguyễn Chiến V - là Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần V (Theo văn bản ủy quyền số 1470/2021/UQ-VPB ngày 15/11/2021 của ông Phạm Tuấn A).

(Anh V có mặt, anh S vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Quang H - sinh năm 1987 và chị Trịnh Thị M - sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 8, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Chị M có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Nguyễn Chiến Việt trình bày như sau:

Ngày 19/10/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần V và vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN1910151773655, số tiền vay là 875.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11% được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn 3 tháng lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vợ chồng anh Học chị Mai vay là để kinh doanh nước giải khát. Sau khi ký hợp đồng cho vay hạn mức thì Ngân hàng tiến hành giải ngân, số tiền giải ngân là 875.000.000 đồng, khi nhận tiền vợ chồng anh H chị M đã ký khế ước nhận nợ.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, vợ chồng anh H chị M thế chấp tài sản là thửa đất số 501 tờ bản đồ số 27 tại khu 8, xã B, huyện L. Tài sản thế chấp được ký kết bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1910151773655 ngày 18/10/2019. Sau khi vợ chồng anh H chị M vay vốn đã xây nhà trên đất và làm một số tài sản gắn liền với đất, những tài sản này cũng là tài sản bảo đảm cho vợ chồng anh H chị M vay vốn tại Ngân hàng.

Từ ngày vợ chồng anh H chị M vay tiền đến nay đã trả được 300.056.194 đồng tiền gốc nên số tiền gốc còn nợ là 574.943.806 đồng; tiền lãi đã trả được 68.826.440 đồng.

Vợ chồng anh H chị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh H chị M trả tiền nhưng không trả. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H chị M trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền gốc là 574.943.806 đồng; tiền lãi 347.100.249 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn); lãi chậm trả lãi là 53.499.324 đồng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký giữa vợ chồng anh H chị M và Ngân hàng để bảo đảm cho khoản tiền vay, trường hợp phát mại tài sản bảo đảm không đủ Ngân hàng thu hồi vốn thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản khác của vợ chồng anh H chị M để Ngân hàng thu hồi vốn.

Anh Nguyễn Thái H và chị Trịnh Thị M là bị đơn trình bày: Việc ký kết hợp đồng cho vay hạn mức và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất như anh Nguyễn Chiến V là người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đã trình bày. Sau khi ký hợp đồng cho vay hạn mức thì Ngân hàng tiến hành giải ngân nên số tiền vợ chồng anh chị đã nhận là 875.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Từ ngày vay đến nay đã trả Ngân hàng được một khoản tiền gốc và lãi nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã trả. Hiện nay trên đất có ngôi

nhà hai tầng và một số tài sản gắn liền với đất là của vợ chồng anh chị làm sau khi thế chấp.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị trả 574.943.806 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh thì vợ chồng anh chị nhất trí trả số tiền gốc, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng anh chị đề nghị Ngân hàng cho vay thêm một thời gian nữa và mỗi tháng trả một ít tiền, còn số tiền lãi thì đề nghị Ngân hàng không tính và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M trả tiền.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền gốc là 574.943.806 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.545.390 đồng, tiền lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 338.554.859 đồng, tiền lãi đối với lãi chậm trả là 2.282.673 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 924.326.728 đồng (Chín trăm hai mươi tư triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M trả 51.216.651 đồng tiền lãi do tính không đúng quy định của pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M không trả tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao phát mại thửa đất số 501 tờ bản đồ số 27 và tài sản gắn liền với đất tại khu 8, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ của vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1910151773655 ngày 18/10/2019 giữa vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Mai và Ngân hàng thương mại cổ phần V để Ngân hàng thu hồi vốn. Trường hợp tài sản bảo đảm chưa đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được

quyền yêu cầu thi hành án các tài sản khác của vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Mai để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M phải chịu 2.600.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc vay vốn. Ngân hàng đã nộp toàn bộ số tiền này nên vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 2.600.000 đồng.

Vợ chồng anh H chị M tiếp tục phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật

Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần V phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Vợ chồng anh H chị Mai phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Thái H và chị Trịnh Thị M là bị đơn cư trú tại xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Mục đích vợ chồng anh H chị Mai vay vốn tại Ngân hàng là để kinh doanh. Căn cứ khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao thụ lý vụ án là kinh doanh thương mại và giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp.

Ngân hàng thương mại cổ phần V ủy quyền cho anh Nguyễn Chiến V và anh Hà Xuân S tham gia tố tụng, nội dung ủy quyền có quy định là khi người được ủy quyền tham gia tố tụng thì từng người một có quyền đại diện cho Ngân hàng thực hiện các công việc ủy quyền, trường có người được ủy quyền vắng mặt thì ý kiến của người còn lại có mặt cũng chính là ý kiến của người vắng mặt. Anh Nguyễn Chiến V có mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Hà Xuân S là phù hợp.

Anh Nguyễn Thái H là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp hợp đồng tín dụng: Anh Nguyễn Chiến V là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V và vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M đều thống nhất ngày 19/10/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần V và vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN1910151773655. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng tiến hành giải ngân theo khế ước nhận nợ của vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M, số tiền Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng anh H chị M vay là 875.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tính từ ngày Ngân hàng giải ngân đến ngày 25/8/2021 vợ chồng anh H chị M đã Ngân hàng 300.056.194 đồng tiền gốc (17 đồng + 4 đồng + 4 đồng + 300.056.169 đồng =

300.056.194 đồng) nên hiện nay còn nợ 574.943.806 đồng tiền gốc. Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh H chị M trả tiền, vợ chồng anh H chị M nhất trí trả tiền nhưng cho rằng đang kinh doanh gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho anh vay thêm một thời gian nữa nhưng Ngân hàng không đồng ý. Xét thấy khế ước nhận nợ ngày 19/10/2019 hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay là 9 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân số tiền vay, tính đến ngày 18/7/2020 là vợ chồng anh H chị M phải trả Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi nhưng vợ chồng anh H chị M không trả tiền cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H chị M trả tiền là có căn cứ được chấp nhận. Vì vậy, buộc vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M trả Ngân hàng thương mại cổ phần V 574.943.806 đồng (Năm trăm bảy mươi tư triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm linh sáu đồng) tiền gốc.

[3] Về số tiền lãi, tiền lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi đối với lãi chậm trả. Xét thấy trong hợp đồng cho vay hạn mức và khế ước nhận nợ hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn 3 tháng lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong thời hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn cho đến khi trả hết dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất đối với lãi chậm trả là 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Từ ngày Ngân hàng giải ngân đến ngày 18/7/2020 vợ chồng anh Học chị Mai đã trả Ngân hàng 68.651.185 đồng (350.020 đồng + 7.826.782 đồng + 335 đồng + 7.912.791 đồng + 2.438.264 đồng + 6.030.511 đồng + 6.369.800 đồng + 2.407.466 đồng + 8.502.420 đồng + 942.885 đồng + 14 đồng + 5.843.857 đồng + 2.546.513 đồng + 8.425.814 đồng + 9.053.713 đồng = 68.651.185 đồng) tiền lãi trong hạn và 175.255 đồng tiền lãi quá hạn. Tại phiên tòa Ngân hàng tính số tiền lãi của dư nợ gốc trong hạn và tiền lãi của dư nợ gốc quá hạn đến ngày 20/3/2023 (ngày xét xử) là 347.100.249 đồng, tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chậm trả đến ngày 20/3/2023 là 53.499.324 đồng, tổng số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh Học chị Mai trả là 400.599.573 đồng (347.100.249 đồng + 53.499.324 đồng = 400.599.573 đồng) là không phù hợp với khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, vì khi số tiền dư nợ gốc chuyển sang quá hạn đã tính lãi suất là 150% của lãi suất dư nợ gốc trong hạn nhưng Ngân hàng vẫn tính lãi suất chậm trả của toàn bộ số tiền lãi là không phù hợp. Cụ thể số tiền lãi tính như sau:

Tiền lãi của dư nợ gốc trong hạn: Từ ngày 19/10/2019 đến ngày 18/7/2020 tiền lãi của số tiền dư nợ gốc trong hạn là 77.196.575 đồng, đã trả được 68.651.185 đồng nên số tiền lãi chưa trả là 8.545.390 đồng.

Tiền lãi của dư nợ gốc quá hạn: Ngày 19/7/2020 vợ chồng anh H chị M vi phạm thời hạn trả tiền nên chuyển số tiền dư nợ gốc sang nợ quá hạn, lãi suất là 150% của lãi suất trong hạn (12,10%), từ ngày 19/7/2020 đến ngày 20/3/2023 tiền lãi quá hạn là 338.554.859 đồng, vợ chồng anh H chị M đã trả được số tiền lãi quá hạn là 175.255 đồng nên số tiền lãi quá hạn còn phải trả là 338.379.604 đồng ($338.554.859 \text{ đồng} - 175.255 \text{ đồng} = 338.379.604 \text{ đồng}$).

Tiền lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả: Từ ngày 19/7/2020 đến ngày 20/3/2023 thời hạn trả lãi của số tiền lãi chậm trả là 975 ngày nên số tiền lãi của số tiền 8.545.390 đồng là 2.282.673 đồng (Hai bên thỏa thuận tính 10%).

Vì vậy, tổng số tiền lãi vợ chồng anh H chị M phải trả Ngân hàng là 349.382.922 đồng ($8.545.390 \text{ đồng} + 2.282.673 \text{ đồng} + 338.554.859 \text{ đồng} = 349.382.922 \text{ đồng}$). Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về yêu cầu vợ chồng anh H chị M trả 51.216.651 đồng ($400.599.573 \text{ đồng} - 349.382.922 \text{ đồng} = 51.216.651 \text{ đồng}$) tiền lãi.

[4] Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1910151773655 ngày 18/10/2019 giữa vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M và Ngân hàng. Xét thấy thửa đất số 501 tờ bản đồ số 27 tại khu 8, xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ là quyền sử dụng của vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M đã được UBND huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thế chấp vợ chồng anh H chị M đều tự nguyện và ký hợp đồng, tài sản được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất UBND huyện Lâm Thao. Vì vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M và Ngân hàng là hợp pháp.

Trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không thể hiện có tài sản gắn liền với đất, khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy có một ngôi nhà hai tầng xây trên đất và một số tài sản gắn liền với đất, vợ chồng anh H chị M đều khẳng định là sau khi thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thì vợ chồng anh H chị M xây ngôi nhà hai tầng và làm một số tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, ngôi nhà hai tầng và một số tài sản gắn liền với đất là tài sản bảo đảm cho vợ chồng anh H chị M vay vốn tại Ngân hàng.

[5] Chi phí tố tụng: Ngày 20/02/2023 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, số tiền chi phí là 2.600.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng. Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp tiền chi phí tố tụng nên vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M hoàn trả lại cho Ngân hàng 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí:

Mặc dù đã giải thích cho Ngân hàng biết về yêu cầu tính lãi không phù hợp dẫn đến không được chấp nhận thì phải chịu án phí nhưng phần tiền lãi không được chấp nhận Ngân hàng vẫn yêu cầu anh H chị M phải trả nên Ngân hàng phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận một phần nên vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng. Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M trả tiền.

3. Xác nhận Ngân hàng thương mại cổ phần V và vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số LN1910151773655 ngày 19/10/2019; Vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M đã ký khế ước nhận nợ số LN1910151773655 ngày 19/10/2019; Vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1910151773655 ngày 18/10/2019.

4. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền gốc là 574.943.806 đồng, tiền lãi trong hạn là 8.545.390 đồng, tiền lãi đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 338.554.859 đồng, tiền lãi đối với tiền lãi trong hạn chậm trả là 2.282.673 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 924.326.728 đồng (Chín trăm hai mươi tư triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày 21/3/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M trả 51.216.651 đồng (Năm mươi một triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm năm mươi một đồng) tiền lãi do tính không đúng quy định của pháp luật.

6. Khi án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M không trả tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao phát mại thửa đất số 501 tờ bản đồ số 27, ngôi nhà hai tầng xây trên đất và tài sản gắn liền với đất tại khu 8, xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ của vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1910151773655 ngày 18/10/2019 giữa vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Mai và Ngân hàng thương mại cổ phần V để Ngân hàng thu hồi vốn. Trường hợp tài sản bảo đảm chưa đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mại tài sản khác của vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Mai để thu hồi nợ.

7. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M phải chịu 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc vay vốn. Ngân hàng đã nộp toàn bộ số tiền này nên vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không trả tiền cho người được thi hành án mà người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

8. Về án phí:

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thái H chị Trịnh Thị M phải chịu 39.730.000 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) án phí trả tiền cho Ngân hàng.

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần V phải chịu 2.561.000 đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí yêu cầu trả tiền lãi không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.125.000 đồng (Mười chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0002318 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao. Ngân hàng thương mại cổ phần V được hoàn trả số tiền chênh lệch là 16.564.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

9. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên